

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày: 27/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đào Văn Hoàn và ông Nguyễn Trọng Văn;

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Hoàng Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 34/2024/HSST ngày 01/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST- HS ngày 25/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-QĐ ngày 08/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Đình T, sinh năm 1979, tại xã L, huyện C, tỉnh H; cư trú tại: thôn B, xã L, C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Đình S và con bà Nguyễn Thị T; có vợ là Hoàng Thị B, sinh năm 1982 và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng;

2. Nguyễn Đình C, sinh năm 1979, tại huyện B, tỉnh H; cư trú tại: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Minh H và con bà Ngô Thị H; có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1986 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 09/4/2009, Công an huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, hình thức phạt tiền; bị cáo đã chấp hành xong ngày 10/4/2009.

Tiền án: Bản án số 62/2020/HSST ngày 06/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, xử phạt 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội đánh bạc; bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng;

3. Nguyễn Huy K, sinh năm 1979, tại xã L, huyện L, tỉnh B; cư trú tại: thôn N, xã L, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 6/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Huy T và con bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 và 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

4. Nguyễn Đình L, sinh năm 1992, tại xã L, huyện C, tỉnh H; cư trú tại: thôn B, xã L, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N và con bà Trịnh Thị M; có vợ là Vũ Thị Q, sinh năm 1996 và 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

5. Nguyễn Văn G, sinh năm 1988; tại xã L, huyện C, tỉnh H; cư trú tại: thôn L, xã L, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và con bà Vũ Thị P; có vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1990 và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo là đảng viên đã đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Chi bộ thôn L, Đảng bộ xã L.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Người có nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Xuân N, sinh năm 1994; cư trú tại: thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương;

2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1974; cư trú tại: thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương;

3. Ông Lê Văn V, sinh năm 1965; cư trú tại: khu 4 thị trấn S, huyện B, tỉnh Hải Dương;

Người làm chứng: Nguyễn Công S; Lê Duyên G; Lương Trọng Đ; Trần Đình H; Đoàn Văn N; Vũ Xuân Q; Mai Văn S; Nguyễn Đình T; Vũ Công C; Lò Văn N; Nguyễn Văn T; Vũ Văn L; Lê Quang Đ; Nguyễn Văn H; Hoàng Thị B.

(Tại phiên toà có mặt các bị cáo và người làm chứng bị B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Đình T làm nghề nuôi gà chọi tại nhà ở thôn B, xã L, huyện C. Sáng ngày 14/01/2024, Bùi Xuân N, Lê Văn M; Nguyễn Công S; Lê Duyên G; Lương Trọng Đ; Lê Văn V; Trần Đình H; Đoàn Văn N; Vũ Xuân Q và một số người khác đến nhà T xem vằn gà (gọi là cho gà chọi tập đá). Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi T đang vằn gà thì Nguyễn Đình C gọi điện thoại nói: C có 01 con gà chọi màu xám, nặng 2,8kg, T xem có con gà nào để ghép đá với gà của C không. T hỏi mọi người có mặt tại nhà mình thì N bảo có gà và đồng ý ghép với gà của C. Một lúc sau, C đi cùng Mai Văn S mang 01 con gà chọi màu xám; N về nhà mang 01 con gà màu tía đến. T cầm 01 chiếc cân ra để cân khối lượng 02 con gà và xác định gà của C nặng 2,8kg được tính là “cửa trên”, gà của N nặng 2,77kg là “cửa dưới”. Sau đó, C và N thống nhất hình thức đá gà ăn tiền, thỏa thuận kèo “bao trong” là 1.000.000đ, tức là nếu gà của ai thua thì phải trả cho người có gà đá thắng 1.000.000đ. N và M mỗi người góp 500.000đ để cá cược với C. N và C thống nhất sau khi kết thúc trận đá gà thì mỗi bên sẽ cho T 200.000đ tiền thuốc, nước.

Cách thức trận đá gà như sau: Trận đá gà sẽ chia thành nhiều hiệp (tối đa là 8 hiệp), mỗi hiệp là 15 phút, nếu gà chọi của bên nào chết, bỏ chạy hoặc chủ gà xin thua thì bên đó thua; sau khi xác định được thắng, thua thì hai bên thanh toán tiền cá cược cho nhau. Sau 8 hiệp mà hai con gà vẫn hòa nhau thì hai bên không phải thanh toán tiền cho nhau. T sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Apple của mình để theo dõi thời gian của từng hiệp đá gà, thỉnh thoảng đi ra công để cảnh giới nếu có lực lượng Công an đến sẽ báo để mọi người dừng chơi. Sau khi thỏa thuận xong thì N và C cho 02 con gà chọi vào trong khu vực được quây cao su tại vườn nhà T để đá gà. Quá trình xem đá gà còn có các đối tượng tham gia các kèo cá cược “bao ngoài”, cụ thể như sau:

- Nguyễn Đình C ngoài cá cược với N thì còn tham gia kèo cá cược với Lê Văn V, đặt cược 1.000.000đ ăn 500.000đ, C chọn gà xám của mình, V chọn gà tía. Nếu gà xám đá thắng thì V phải trả cho C 500.000đ, còn thua thì C trả cho V 1.000.000đ. Tổng số tiền C và V đánh bạc là 1.500.000đ, trong đó C sử dụng 1.000.000đ, V sử dụng 500.000đ.

- Nguyễn Đình L đề xuất cá cược với Nguyễn Văn G, đặt cược 5.000.000đ ăn 1.000.000đ; L chọn gà xám, G chọn gà tía. Nếu gà xám đá thắng thì G trả cho L 1.000.000đ, còn thua thì L trả cho G 5.000.000đ. Tổng số tiền L và G đánh bạc là 6.000.000đ, trong đó L sử dụng 5.000.000đ, G sử dụng 1.000.000đ.

- G đề xuất cá cược với Nguyễn Huy K; đặt cược 5.000.000đ ăn 1.000.000đ, K chọn gà xám, G chọn gà tía. Nếu gà xám đá thắng thì G trả cho K 1.000.000đ, còn thua thì K trả cho G 5.000.000đ. Tổng số tiền K và G đánh bạc là 6.000.000đ, trong đó K sử dụng 5.000.000đ, G sử dụng 1.000.000đ.

- Nguyễn Huy K còn cá cược với M; đặt cược 2.000.000đ ăn 500.000đ, K chọn gà xám, M chọn gà tía. Nếu gà xám đá thắng thì M trả cho K 500.000đ, còn thua thì K trả cho M 2.000.000đ. Tổng số tiền K và M đánh bạc là 2.500.000đ, trong đó K sử dụng 2.000.000đ, M sử dụng 500.000đ.

Trong quá trình C, N cho 2 gà đá và cá cược với nhau thì các đối tượng trên cũng tham gia các kèo cá cược nhưng N và C đều không biết.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi trận đá gà đang nghỉ giữa hai hiệp để đá hiệp thứ 3 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng phát hiện, **thu giữ**: 01 con gà chọi màu lông tía của N; 01 con gà chọi màu lông xám của C; 02 rọ gà bằng nhựa của C và N, 01 tấm quây bằng cao su màu đen và 01 chiếc cân bằng sắt màu xanh của T. **Quản lý tiền** của C 250.000đ, G 320.000đ, K 1.680.000đ, L 4.910.000đ, anh V 680.000đ; anh M 1.320.000đ; anh Lương Trọng Đ 120.000đ; anh Trần Đình H 10.600.000đ; anh Nguyễn Công S 1.500.000đ; anh Đoàn Văn N 570.000đ; anh Lê Duyên G 800.000đ; anh Mai Văn S 15.200.000đ; anh Vũ Xuân Q 11.350.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone X, màu đen, gắn sim 0978201932 của T.

Quá trình điều tra, xác định tổng số tiền C, K, L, G và các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc (bao gồm cả bao trong và bao ngoài) là: 18.000.000đ, trong đó: C sử dụng 2.000.000đ, K sử dụng 7.000.000đ, L sử dụng 5.000.000đ, G sử dụng 2.000.000đ, N sử dụng 500.000đ, M sử dụng 1.000.000đ, V sử dụng 500.000đ.

Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 29/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố Phạm Đình T, Nguyễn Đình C, Nguyễn Huy K, Nguyễn Đình L, Nguyễn Văn G về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

1) Về trách nhiệm hình sự: Tuyên các bị cáo Nguyễn Đình C, Phạm Đình T, Nguyễn Huy K, Nguyễn Đình L, Nguyễn Văn G phạm tội Đánh bạc

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C từ

06 tháng đến 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 33 tháng tù tại Bản án số 62 ngày 06/11/2020 của TAND huyện Cẩm Giàng, buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 bản án từ 39 tháng đến 42 tháng tù (được trừ đi 9 ngày tạm giữ của bản án số 62), thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 17/01/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đình T từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo T đang bị tạm giam, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo T nếu bị cáo không bị tạm giam về một vụ án khác.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy K từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L từ 10 tháng đến 13 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành bản án. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo L sung quỹ nhà nước trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 20 triệu đến 30 triệu.

Giao bị cáo K cho UBND xã L, huyện L, tỉnh B; giao bị cáo T, bị cáo L cho UBND xã L, huyện C, tỉnh H nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách án treo và cải tạo không giam giữ.

2) Về vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.160.000 đồng. Truy thu của bị cáo C 1.750.000đ; bị cáo K 5.320.000đ; bị cáo L 90.000đ; bị cáo G 1.680.000đ; anh Bùi Xuân N 500.000đ sung quỹ Nhà nước (chưa thu).

- Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước trị giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone X, màu đen, gắn sim 0978201932.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 rọ đựng gà bằng nhựa; 01 tấm quần bằng cao su, màu đen; 01 chiếc cân màu xanh.

3) Về án phí: áp dụng: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội buộc bị cáo C, T, K, L và G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi đặt cược đá gà bằng tiền thì bị phát hiện và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh, khung khoản là đúng, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản vụ việc vào hồi 14 giờ ngày 14/01/2024 và vật chứng thu giữ được, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 13 giờ ngày 14/01/2024, tại vườn của gia đình Phạm Đình T ở thôn B, xã L, huyện Cẩm Giàng, T đã sử dụng cân đồng hồ để cân gà, sử dụng điện thoại di động bấm giờ để Nguyễn Đình C (đã có tiền án về tội đánh bạc) và Bùi Xuân N sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức cá cược đá gà (bao trong) với số tiền là 2.000.000đ. Ngoài ra, Nguyễn Đình C cùng với anh Lê Văn V; Nguyễn Huy K cùng với Nguyễn Văn G và anh Lê Văn M; Nguyễn Đình L cùng với Nguyễn Văn G, còn tham gia cá cược (bao ngoài) sát phạt tiền lẫn nhau. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là **18.000.000đ** (trong đó: C sử dụng 2.000.000đ, K sử dụng 7.000.000đ, L sử dụng 5.000.000đ, G sử dụng 2.000.000đ). Hành vi cá cược đá gà được thua bằng tiền không được Nhà nước cho phép là hành vi Đánh Bạc. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều biết đây là hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Cẩm Giàng mà còn là nguyên nhân nảy sinh các tội phạm khác. Xét về hành vi và số tiền sử dụng cá cược của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Phạm Đình T, Nguyễn Đình C, Nguyễn Huy K, Nguyễn Đình L và

Nguyễn Văn G về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật

[3] Đây là vụ án đồng phạm, cần phân hóa vai trò của các bị cáo như sau:

Bị cáo C khởi xướng có gà chơi và trực tiếp tham gia đánh bạc; bị cáo T dùng nơi ở của mình cho các đối tượng đánh bạc, chuẩn bị cân để cân gà; dùng điện thoại bấm giờ và cảnh giới; hành vi của hai bị cáo tích cực ngang nhau nên xác định vai trò thứ nhất.

Bị cáo K đánh bạc bao ngoài với 02 người, tổng số tiền nhiều nhất là 7.000.000đ, giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo L đánh bạc với 01 người bao ngoài, có số tiền đánh bạc 5.000.000đ;

Bị cáo G đánh bạc bao ngoài với 02 người, tổng số tiền ít nhất là 2.000.000đ, giữ vai trò cuối trong vụ án.

HĐXX áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự để lượng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

- Các bị cáo T, K, L và G đều chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, xác định là người có nhân thân tốt. Bị cáo C đã từng bị xử phạt hành chính và xét xử về tội đánh bạc, xác định là người có nhân thân xấu;

- Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên cả 5 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, K, L và G đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C, L có xác nhận ủng hộ phòng chống covid; bị cáo T có xác nhận hỗ trợ sách vở, cặp sách và áo ấm cho trường tiểu học Tri Lễ 4, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong tỉnh Nghệ an, hỗ trợ bệnh nhân tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam. Bị cáo K có bố đẻ là bệnh binh 61% nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội; các bị cáo T, K, L, G có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đều không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng; số tiền đánh bạc không lớn, HĐXX cho các bị cáo được tại ngoại tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Riêng bị cáo C phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian

để cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, HĐXX quyết định hình phạt đối với tội mới sau đó tổng hợp 33 tháng tù tại Bản án số 62/2020/HSST ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, HĐXX không áp dụng phạt tiền bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 02 rọ đựng gà bằng nhựa; 01 tấm quây bằng cao su màu đen; 01 chiếc cân màu xanh, xác định là công cụ, phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, HĐXX tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền 9.160.000đ quản lý trong người các bị cáo và đối tượng khác sử dụng đánh bạc (trong đó anh M có 320.000đ; anh V có 180.000đ không sử dụng đánh bạc đều tự nguyện dung vào ngân sách Nhà nước); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone X màu đen, gắn sim 0978201932 của bị cáo T sử dụng bấm giờ đá gà, xác định là công cụ, phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, HĐXX tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 02 con gà chọi của anh N và bị cáo C, quá trình quản lý đã bị chết nên Cơ quan điều tra tiêu hủy theo trình tự quy định của pháp luật, HĐXX không phải giải quyết.

Số tiền quản lý trong người của những người đến xem không sử dụng để đánh bạc, ngày 09/3/2024 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Mai Văn S 15.200.000đ, anh Vũ Xuân Q 11.350.000đ, anh Lương Trọng Đ 120.000đ, anh Nguyễn Công S 1.500.000đ, anh Lê Duyên G 800.000đ, anh Đoàn Văn N 570.000đ, anh Trần Đình H 10.600.000đ; HĐXX không phải giải quyết.

[7] Biện pháp tư pháp: Xác định các bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan sử dụng đánh bạc tổng số tiền 18.000.000đ; đã tịch thu 9.160.000đ; số tiền còn lại truy thu của các bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; cụ thể:

Bị cáo C sử dụng đánh bạc 2.000.000đ; đã tịch thu 250.000đ; truy thu của bị cáo C số tiền 1.750.000đ.

Bị cáo K sử dụng đánh bạc 7.000.000đ; đã tịch thu 1.680.000đ; truy thu của bị cáo K số tiền 5.320.000đ.

Bị cáo L sử dụng đánh bạc 5.000.000đ; đã tịch thu 4.910.000đ; truy thu của bị cáo L số tiền 90.000đ.

Bị cáo G sử dụng đánh bạc 2.000.000đ; đã tịch thu 320.000đ; truy thu của bị cáo G số tiền 1.680.000đ.

Anh Bùi Xuân N sử dụng đánh bạc 500.000đ; truy thu của anh N số tiền 500.000đ.

[8] Về án phí: các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác:

Anh Bùi Xuân N là người có gà chọi, không biết các đối tượng cá cược đá gà “bao ngoài”, số tiền N đánh bạc dưới 5.000.000đ; anh Lê Văn M, anh Lê Văn V có hành vi đánh bạc nhưng số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000đ; cả ba anh đều chưa có tiền án tiền sự nên hành vi đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 10/4/2024, Công an huyện Cẩm Giàng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các anh N, M, V tại các quyết định số 52,53,54.

Đối với các anh Lương Trọng Đ, Trần Đình H, Nguyễn Công S, Đoàn Văn N, Lê Duyên G, Mai Văn S có mặt tại vị trí đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc; chị Hoàng Thị B là vợ bị cáo T không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự,

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 08 (tám) tháng tù; tổng hợp với 33 (ba mươi ba) tháng tù tại Bản án số 62/2020/HSST ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05/6/2020 đến ngày 13/6/2020) của Bản án số 62/2020; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 40 (bốn mươi) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù; thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 17/01/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với 2 bị cáo T và K. Điều 328; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo T.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Đình T, Nguyễn Huy K phạm tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đình T 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 (hai mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và

thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Huỷ bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Phạm Đình T nếu bị cáo T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy K 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (*hai mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phạm Đình T cho UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và giao bị cáo Nguyễn Huy K cho UBND xã L, huyện L, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo T và K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự;

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đình L phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 11(*mười một*) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lâm.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G số tiền 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo G.

5. Xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 02 rọ đựng gà bằng nhựa; 01 tấm quây bằng cao su, màu đen; 01 chiếc cân màu xanh.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.160.000đ; giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone X, màu đen, gấn sim 0978201932.

(Đặc điểm các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2024).

6. Biện pháp tư pháp: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đình C số tiền 1.750.000đ *(một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*; chưa thu.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Huy K số tiền 5.320.000đ *(năm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)*; chưa thu.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đình L số tiền 90.000đ *(chín mươi nghìn đồng)*; chưa thu.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn G số tiền 1.680.000đ *(một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)*; chưa thu.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của anh Bùi Xuân N, sinh năm 1994; cư trú tại: thôn M, xã C, huyện G, tỉnh H số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)*; chưa thu.

7. Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo T, C, K, L, G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THAHS; Công an huyện CG;
- Chi cục THSDS huyện Cẩm Giàng;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Giàng.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)